

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DSST

Ngày: 05-12-2017

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ;**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2017/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2017; về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-DS, ngày 14/11/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn U**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của Ông Lê Văn U có: Anh **Lâm Khắc S**, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 34, đường N, khóm M, phường P, thành phố Q, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1952; Địa chỉ: khóm C, thị trấn D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/9/2017, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Lê Văn U tự trình bày ý kiến không ủy quyền cho anh Lâm Khắc S:

Do chỗ quen biết nên ông có cho Bà Lê Thị D vay tiền rất nhiều lần tổng cộng bằng 175.000.000 đồng còn ngày, tháng, năm cho vay nay ông không nhớ, những lần vay đều có viết biên nhận, đến ngày 22/11/2004 DL bà D đến gặp ông hỏi vay tiền thêm, do không có tiền nên ông dẫn bà D lại gặp ông Lưu Văn T để

hỏi vay, do ông T không có tiền cho bà D vay lúc này bà D hỏi mượn tiền ông để về xe ông chỉ còn 1.355.000 đồng nên đưa cho bà D mượn, hai bên thống nhất viết lại tờ thể chấp hỏi tiền tổng cộng bằng 176.355.000 đồng ngày viết tờ thể chấp hỏi tiền ông chỉ giao cho bà D bằng 1.355.000 đồng, phần còn lại là nợ cũ trước. Sau khi viết tờ thể chấp hỏi tiền ông đã trả lại các biên nhận trước đây cho bà D, ông là người viết tờ thể chấp hỏi tiền, khi viết xong ông đọc lại cho bà D và ông T nghe rồi bà D và ông T cùng ký tên với ông, tờ thể chấp hỏi tiền ông viết thành ba bản, ông một bản, bà D một bản và ông T một bản. Mục đích vay tiền bà D kêu ông ghi để dùng vào việc làm ăn kinh doanh tại gia đình còn bà D có kinh doanh hay không thì ông không biết, tiền vay bà D hứa từ ngày vay đến cuối tháng 12 hoặc qua tháng 01/2005 sẽ trả đủ vốn cho ông, còn nếu bà D không giữ đúng lời hứa bà D sẽ tự nguyện giao căn nhà và đất tọa lạc tại khóm C, thị trấn D cho ông để trừ nợ. Từ khi vay tiền đến nay bà D không trả vốn và cũng không đóng lãi cho ông, tiền vay ông có gặp bà D đòi nhiều lần nhưng bà D không trả. Năm 2013 ông có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân khóm C giải quyết buộc bà D trả cho ông bằng 176.355.000 đồng, nhưng ở địa phương mời bà D không đến và ông có làm đơn khởi kiện tại Tòa án do thời điểm này ông té chân thương nên bỏ qua cho đến nay. Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 ông yêu cầu bà D phải trả số tiền vốn vay bằng 176.355.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Ngày 14/9/2017 ông có đơn xin thay đổi nội dung đòi lại tài sản yêu cầu bà D phải trả cho ông số tiền bằng 176.335.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi và tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu bà D trả cho ông bằng 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2017 của bị đơn Bà Lê Thị D trình bày:

Bà không có hỏi vay của Ông Lê Văn U số tiền bằng 176.355.000 đồng, nhưng có lần ông U đưa cho bà bằng 30.000.000 đồng để cho người khác vay dùm, ông U là người nhận lãi, sau đó người vay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, giữa bà và ông U đã giải quyết xong số tiền 30.000.000 đồng. Bà nhớ có ký cho ông U một tờ giấy để làm tin với người khác là có người thiếu tiền ông U, còn nội dung trong tờ giấy bà ký tên như thế nào thì bà không biết, còn tờ thể chấp hỏi tiền mà ông U khởi kiện là bà không có vay và chữ ký trong tờ thể chấp hỏi tiền không phải là chữ ký của bà. Nay bà không đồng ý trả cho ông U số tiền bằng 176.355.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Không có

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Ông Lê Văn U yêu cầu Bà Lê Thị D trả cho ông bằng 176.000.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi. Bà Lê Thị D không thừa nhận có vay tiền của ông U nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông U.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia

tổ tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định còn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án vị đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bà Lê Thị D trả cho ông Lê Văn U bằng 176.000.000 đồng.

Về án phí, chi phí giám định đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn Bà Lê Thị D có hộ khẩu thường trú ở khóm C, thị trấn D, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bị đơn Bà Lê Thị D trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án bà D đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà Lê Thị D.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 Ông Lê Văn U khởi kiện yêu cầu Bà Lê Thị D trả tiền vốn vay bằng 176.355.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Quá trình giải quyết đến ngày 14/9/2017 ông U đã làm đơn thay đổi yêu cầu đòi lại tài sản do đó Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu đối với số tiền vốn bằng 176.355.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Tại phiên tòa ông U yêu cầu bà D phải có trách nhiệm trả cho ông bằng 176.000.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án Bà Lê Thị D không thừa nhận có vay tiền của ông U và bà không thừa nhận chữ ký D trong tờ thể chấp hồi tiền ngày 22/11/2004 DL ông U cung cấp là của bà nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của ông U.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, ông U có đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà D. Tại kết luận giám định số: 245/KLGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh cho kết quả chữ ký trong tờ thể chấp hồi tiền ngày 22/11/2004 DL là chữ ký của Bà Lê Thị D ký. Sau khi có kết luận giám định Tòa án có thông báo kết quả giám định chữ ký cho bà D biết, bà không có ý kiến khiếu nại về kết luận giám định số 245/KLGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, bà từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho bà và bà D cũng không cung cấp

chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Từ đó, có cơ sở Bà Lê Thị D có nhận của Ông Lê Văn U bằng 176.355.000 đồng. Tại phiên tòa do ông U tự nguyện yêu cầu bà D trả bằng 176.000.000 đồng là thấp hơn số tiền so với đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ông Lê Văn U không phải chịu án phí.

[5] *Về chi phí giám định chữ ký*: Buộc Bà Lê Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147, 161, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 166 của Bộ Luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn U yêu cầu Bà Lê Thị D hoàn trả số tiền bằng 176.000.000 đồng. Ông U không yêu cầu tính lãi.

Buộc Bà Lê Thị D có trách nhiệm hoàn trả cho Ông Lê Văn U số tiền bằng 176.000.000 đồng. Ông U không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Bà Lê Thị D phải chịu 8.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ông Lê Văn U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 4.408.875 đồng theo biên lai thu tiền số 0008646 ngày 24-02-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho Ông Lê Văn U.

3. Về chi phí giám định: Buộc Bà Lê Thị D phải chịu 1.515.000 đồng để hoàn trả lại cho Ông Lê Văn U.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Lệ – Nguyễn Thị Kiều Diễm Dương Thị Mỹ Châm